

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

*CHO KỲ KÊ TOÁN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024*

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA PICOMAT**

PICOMAT

PICOMAT

## MỤC LỤC

---- oOo ----

---

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	04 - 05
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	06
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	07 - 08
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	09 - 33

---

# CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA PICOMAT

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính riêng đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

### 1. Thông tin chung về Công ty

#### Thành lập

Công ty Cổ phần Nhựa Picomat (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0104518043 ngày 09 tháng 03 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 13 ngày 12 tháng 9 năm 2023. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới nhất, vốn điều lệ của Công ty là 219.999.900.000 đồng.

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần.

#### Hoạt động kinh doanh của Công ty

Trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024 là kinh doanh các sản phẩm ván nội thất, sản xuất sản phẩm từ plastics.

**Trụ sở chính:** Thôn Cầu Liêu, xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội, Việt Nam.

### 2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động:

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024 của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính riêng đính kèm.

### 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổ kiểm toán nội bộ, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổ kiểm toán nội bộ, Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị:

Ông	Đỗ Thanh Hải	Chủ tịch
Bà	Đào Thị Kim Oanh	Thành viên
Ông	Nguyễn Mạnh Thắng	Thành viên HĐQT độc lập
Ông	Nguyễn Trung Dũng	Thành viên
Ông	Đỗ Hải Đăng	Thành viên

#### Ban kiểm soát

Bà	Nguyễn Thị Thùy	Trưởng ban
Bà	Đỗ Thị Thùy Linh	Thành viên
Bà	Đỗ Thị Hường	Thành viên

#### Tổ kiểm toán nội bộ

Ông	Nguyễn Trung Dũng	Tổ trưởng
Bà	Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên

#### Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà	Đào Thị Kim Oanh	Tổng Giám đốc
Bà	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính như sau

Bà	Đào Thị Kim Oanh	Tổng Giám đốc
----	------------------	---------------

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

### 4. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học MOORE AISIC được chỉ định là kiểm toán viên cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

### 5. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc công ty đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Tổng Giám đốc công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

### 6. Xác nhận

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính riêng bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2024



**Đào Thị Kim Oanh**  
Tổng Giám đốc

Số: C0524063-SXR/MOOREAISHN-TC

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi:** Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Nhựa Picomat

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Picomat (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 13 tháng 08 năm 2024, từ trang 04 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30/06/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

**Trách nhiệm của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày Báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2024

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISC

**Phạm Xuân Sơn****Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 1450-2023-005-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>37.511.668.960</b>	<b>27.402.246.075</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>10.307.576.324</b>	<b>23.088.809.228</b>
1. Tiền	111		7.007.576.324	9.188.809.228
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.300.000.000	13.900.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2a</b>	<b>9.941.387.580</b>	<b>16.205.800</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		10.044.795.430	16.205.800
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(103.407.850)	0
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.001.867.859</b>	<b>321.098.405</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.911.143.390	231.216.614
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	78.596.720	68.744.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	12.127.749	21.137.791
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>14.188.018.729</b>	<b>3.878.346.994</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	14.188.018.729	3.878.346.994
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.072.818.468</b>	<b>97.785.648</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	146.855.854	97.758.756
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		925.045.315	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11b	917.299	26.892
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>236.924.088.023</b>	<b>237.152.926.722</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>80.700.000</b>	<b>0</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	80.700.000	0
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>57.064.126.661</b>	<b>57.214.314.226</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8a	7.339.322.035	7.489.509.600
- Nguyên giá	222		10.523.415.039	10.329.616.599
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.184.093.004)	(2.840.106.999)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8b	49.724.804.626	49.724.804.626
- Nguyên giá	228		49.724.804.626	49.724.804.626
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		0	0
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>171.800.000.000</b>	<b>171.800.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	98.800.000.000	98.800.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	73.000.000.000	73.000.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>7.979.261.362</b>	<b>8.138.612.496</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	7.979.261.362	8.138.612.496
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>274.435.756.983</b>	<b>264.555.172.797</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>22.613.992.151</b>	<b>25.008.643.489</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>22.413.992.151</b>	<b>24.808.643.489</b>
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.9	13.719.230.169	16.951.562.799
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	44.235.523	19.776.583
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11a	937.631.552	483.112.677
4. Phải trả người lao động	314		262.317.111	478.836.304
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	26.596.865	13.314.822
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13a	26.057.900	7.679.400
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	7.397.923.031	6.854.360.904
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>200.000.000</b>	<b>200.000.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.13b	200.000.000	200.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>251.821.764.832</b>	<b>239.546.529.308</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>251.821.764.832</b>	<b>239.546.529.308</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		219.999.900.000	219.999.900.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		219.999.900.000	219.999.900.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.207.827.061	2.207.827.061
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		29.614.037.771	17.338.802.247
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		17.338.802.247	9.590.176.016
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		12.275.235.524	7.748.626.231
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>274.435.756.983</b>	<b>264.555.172.797</b>



Đỗ Thị Nhung  
Người lập biểu



Nguyễn Thị Như Quỳnh  
Kế toán trưởng



Đào Thị Kim Oanh  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	80.764.289.791	41.763.829.192
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	94.615.396	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	80.669.674.395	41.763.829.192
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	71.420.350.550	38.522.322.470
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b> (20 = 10 - 11)	<b>20</b>		<b>9.249.323.845</b>	<b>3.241.506.722</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	8.683.605.432	6.376.140.095
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	680.943.472	269.284.257
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>222.729.361</i>	<i>269.284.257</i>
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7	2.228.929.389	1.962.123.913
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	1.758.267.456	1.510.520.149
<b>10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b> (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	<b>30</b>		<b>13.264.788.960</b>	<b>5.875.718.498</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.9a	30.054	80.929.829
12. Chi phí khác	32	VI.9b	3.540.412	39.771
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(3.510.358)</b>	<b>80.890.058</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> (50 = 30 + 40)	<b>50</b>		<b>13.261.278.602</b>	<b>5.956.608.556</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	986.043.078	51.142.912
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b> (60 = 50 - 51 - 52)	<b>60</b>		<b>12.275.235.524</b>	<b>5.905.465.644</b>



Đỗ Thị Nhung  
Người lập biểu



Nguyễn Thị Như Quỳnh  
Kế toán trưởng



Đào Thị Kim Oanh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2024



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Mẫu số B 03 - DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	01		13.261.278.602	5.956.608.556
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản :</b>				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8	343.986.005	397.341.015
- Các khoản dự phòng	03		103.407.850	(35.746.402)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(8.360.000.000)	(6.456.140.095)
- Chi phí lãi vay	06	VI.6	222.729.361	269.284.257
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>5.571.401.818</b>	<b>131.347.331</b>
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(2.687.405.176)	8.923.422.647
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(10.309.671.735)	5.125.520.537
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(3.623.053.806)	12.565.039.017
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		110.254.036	201.693.454
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		(10.078.589.630)	0
- Tiền lãi vay đã trả	14		(230.544.539)	(257.512.800)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(293.387.559)	(194.777.391)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(21.490.996.591)</b>	<b>26.494.732.795</b>

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Mẫu số B 03 - DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(193.798.440)	(35.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		0	80.000.000
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0	5.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	(50.650.400.000)
5. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.360.000.000	5.789.985.302
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>8.166.201.560</b>	<b>(39.815.414.698)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		40.531.702.031	19.488.283.210
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(39.988.139.904)	(12.586.862.996)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>543.562.127</b>	<b>6.901.420.214</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(12.781.232.904)</b>	<b>(6.419.261.689)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		23.088.809.228	14.415.928.095
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>10.307.576.324</b>	<b>7.996.666.406</b>

Đỗ Thị Nhung  
Người lập biểu

Nguyễn Thị Như Quỳnh  
Kế toán trưởng



Đào Thị Kim Oanh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2024

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

## 1. Thành lập:

Công ty Cổ phần Nhựa Picomat (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0104518043 ngày 09 tháng 03 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 13 ngày 12 tháng 9 năm 2023. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới nhất, vốn điều lệ của Công ty là 219.999.900.000 đồng.

## Hình thức sở hữu vốn:

Công ty cổ phần.

## 2. Ngành nghề kinh doanh

Trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024 là kinh doanh các sản phẩm ván nội thất, sản xuất sản phẩm từ plastics.

Trụ sở chính: Thôn Cầu Liêu, xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội, Việt Nam.

## 3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

## 4. Tổng số nhân viên đến ngày 30 tháng 06 năm 2024: 32 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2023: 28 nhân viên)

## 5. Cấu trúc doanh nghiệp

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần nhựa Picomat	Số 413 Lê Trọng Tấn, P. Sơn Kỳ, Q.Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ góp vốn và lợi ích của Công ty	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng	Thôn Cầu Liêu, xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội, Việt Nam	95%	95%	Sản xuất vật liệu bằng nhựa.

Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ góp vốn và lợi ích của Công ty	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Đầu tư và quản lý tài sản PCLand	Thôn Cầu Liêu, xã Thạch Xá, huyện Thạch Thất, TP Hà Nội, Việt Nam	28,27%	28,27%	Cho thuê bất động sản và dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

## 6. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Không có

## 7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng để ghi sổ kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC được Bộ Tài Chính ban hành ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính****Nguyên tắc kế toán đối với chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh bao gồm cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời).

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập đối với phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết**

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận khi Công ty có quyền đồng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty này. Khi Công ty không còn quyền đồng kiểm soát thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty liên doanh.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:** theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- **Phải thu của khách hàng** phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

- **Phải thu nội bộ** phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

- **Phải thu khác** phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

**Dự phòng phải thu khó đòi** được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

**Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:**

- **Nguyên vật liệu, hàng hóa:** bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Theo giá bình quân gia quyền.

**Hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)****5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình đầu tư xây dựng, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất thì giá trị quyền sử dụng đất được xác định riêng biệt và ghi nhận là tài sản cố định vô hình.

**5.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình:**

**Tài sản cố định vô hình** được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp

*Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất*

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ..., (hoặc giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn liên doanh).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ) (tiếp theo)****5.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

*Thời gian sử dụng ước tính của các TSCĐ như sau:*

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30 năm
Phương tiện vận tải	7 - 8 năm
Máy móc thiết bị, thiết bị văn phòng	5 - 10 năm
Tài sản cố định khác	8 - 10 năm

*Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.*

**6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau:

**Công cụ, dụng cụ:** Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng.

**Tiền thuê mặt bằng trả trước:** Tiền thuê mặt bằng trả trước thể hiện khoản tiền của Công ty trả trước cho phần diện tích đã thuê để sử dụng làm văn phòng, tiền thuê mặt bằng trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng, thời gian thuê còn lại là 409 tháng.

**7. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập BCTC.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

**8. Nguyên tắc ghi nhận vay**

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

**9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay:** lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

**11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu****Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

**Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần.**

**Thặng dư vốn cổ phần:** Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa giá phát hành cổ phiếu so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

**Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện:

1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó;
2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của dịch vụ. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

**14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

**Chi phí tài chính bao gồm:** Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

**16. Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và vay.

**Giá trị sau ghi nhận lần đầu**

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**17. Các bên liên quan**

Theo chuẩn mực kế toán số 26 - Thông tin về các bên liên quan tại công ty như sau:

(i) Những doanh nghiệp kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với doanh nghiệp báo cáo (bao gồm công ty mẹ, công ty con, các công ty con cùng tập đoàn);

(ii) Các công ty liên kết (quy định tại Chuẩn mực kế toán số 07 “Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết”);

(iii) Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này. Thành viên mật thiết trong gia đình của một cá nhân là những người có thể chi phối hoặc bị chi phối bởi người đó khi giao dịch với doanh nghiệp như quan hệ: Bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột;

(iv) Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

(v) Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trường hợp (iii) hoặc trường hợp (iv) của Mục 1.3 bài viết này nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp. Trường hợp này bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của doanh nghiệp báo cáo và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với doanh nghiệp báo cáo.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền**

	30/06/2024	01/01/2024
<b>Tiền</b>	<b>10.307.576.324</b>	<b>23.088.809.228</b>
<b>Tiền mặt</b>	<b>4.648.515.284</b>	<b>816.057.114</b>
Việt Nam đồng	4.648.515.284	816.057.114
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>2.359.061.040</b>	<b>8.372.752.114</b>
Tiền gửi ngân hàng Việt Nam đồng	2.359.061.040	8.372.752.114
<b>Các khoản tương đương tiền</b>	<b>3.300.000.000</b>	<b>13.900.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng (*)	3.300.000.000	13.900.000.000
<b>Cộng</b>	<b>10.307.576.324</b>	<b>23.088.809.228</b>

(\*) Tại ngày 30/06/2024, các khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam có kỳ hạn 1 tháng và hưởng lãi suất 2,7%/năm.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## 2. Các khoản đầu tư tài chính

## a. Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc
<b>Tổng giá trị cổ phiếu</b>	<b>10.044.795.430</b>	<b>10.025.500.000</b>	<b>(103.407.850)</b>	<b>16.205.800</b>
Mã CTG	812.743.750	775.000.000	(37.743.750)	16.205.800
Mã MBB	8.684.887.580	8.769.000.000	0	0
Mã VND	547.164.100	481.500.000	(65.664.100)	0
<b>Cộng</b>	<b>10.044.795.430</b>	<b>10.025.500.000</b>	<b>(103.407.850)</b>	<b>16.205.800</b>

## b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>98.800.000.000</b>	<b>0</b>	<b>98.800.000.000</b>	<b>0</b>
Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng	98.800.000.000	0	98.800.000.000	0
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>73.000.000.000</b>	<b>0</b>	<b>73.000.000.000</b>	<b>0</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và quản lý tài sản PCLand	73.000.000.000	0	73.000.000.000	0
<b>Cộng</b>	<b>171.800.000.000</b>	<b>0</b>	<b>171.800.000.000</b>	<b>0</b>

(\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán: Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Công ty tại ngày 30/06/2024 như sau:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
<b>Đầu tư vào công ty con</b>				
Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng	Hà Nội	95,00%	95,00%	Sản xuất vật liệu bằng nhựa.
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư và quản lý tài sản PCLand	Hà Nội	28,27%	23,27%	Cho thuê bất động sản và dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**3. Phải thu của khách hàng**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.911.143.390</b>	<b>0</b>	<b>231.216.614</b>	<b>0</b>
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ ván gỗ công nghiệp Thuận Phát	595.158.661	0	167.952.315	0
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Xuất nhập khẩu Thành Mịch	332.080.698	0	40.278.384	0
Công ty TNHH Vật tư Dịu Hiền	321.480.664	0	0	0
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Đồng Hàn	232.000.721	0	0	0
Công ty TNHH Sản xuất Dịch vụ và Thương mại Hoàng Tiến	217.479.808	0	22.985.915	0
Khách hàng khác	212.942.838	0	0	0
<b>Cộng</b>	<b>1.911.143.390</b>	<b>0</b>	<b>231.216.614</b>	<b>0</b>

**4. Trả trước cho người bán**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>78.596.720</b>	<b>0</b>	<b>68.744.000</b>	<b>0</b>
Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học MOORE AISC	64.800.000	0	66.000.000	0
Công ty TNHH Vận tải Xăng dầu Việt Nam	5.989.200	0	0	0
Công ty Cổ phần Giao thông số Việt Nam	7.807.520	0	2.744.000	0
<b>Cộng</b>	<b>78.596.720</b>	<b>0</b>	<b>68.744.000</b>	<b>0</b>

**5. Phải thu khác**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>12.127.749</b>	<b>0</b>	<b>21.137.791</b>	<b>0</b>
Tạm ứng	4.000.000	0	0	0
Lãi dự thu	6.590.958	0	19.686.026	0
Phải thu khác	1.536.791	0	1.451.765	0
<b>b. Dài hạn</b>	<b>80.700.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	80.700.000	0	0	0
<b>Cộng</b>	<b>92.827.749</b>	<b>0</b>	<b>21.137.791</b>	<b>0</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**6. Hàng tồn kho**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	5.142.797.197	0	3.878.346.994	0
Hàng mua đang đi đường	9.045.221.532	0	0	0
<b>Cộng</b>	<b>14.188.018.729</b>	<b>0</b>	<b>3.878.346.994</b>	<b>0</b>

**7. Chi phí trả trước**

	30/06/2024	01/01/2024
<b>a. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b>146.855.854</b>	<b>97.758.756</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	146.855.854	97.758.756
<b>b. Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>7.979.261.362</b>	<b>8.138.612.496</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	68.202.066	57.516.598
Quyền sử dụng mặt bằng (i)	7.878.755.742	7.994.336.514
Các khoản khác	32.303.554	86.759.384
<b>Cộng</b>	<b>8.126.117.216</b>	<b>8.236.371.252</b>

(i) Quyền sử dụng mặt bằng là quyền sử dụng diện tích sàn tầng 1, tòa nhà CT3B, Khu Đô thị Mỹ Trì Thượng, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**8a. Tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa và vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>NGUYỄN GIÁ</b>					
Số dư tại 01/01/2024	5.660.225.077	2.150.620.000	810.435.834	1.708.335.688	10.329.616.599
Mua trong kỳ	0	0	41.880.910	151.917.530	193.798.440
Số dư tại 30/06/2024	5.660.225.077	2.150.620.000	852.316.744	1.860.253.218	10.523.415.039
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư tại 01/01/2024	601.018.506	1.159.959.561	371.465.414	707.663.518	2.840.106.999
Trích khấu hao trong kỳ	94.337.082	94.520.910	53.534.168	101.593.845	343.986.005
Số dư tại 30/06/2024	695.355.588	1.254.480.471	424.999.582	809.257.363	3.184.093.004
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số dư tại 01/01/2024	5.059.206.571	990.660.439	438.970.420	1.000.672.170	7.489.509.600
Số dư tại 30/06/2024	4.964.869.489	896.139.529	427.317.162	1.050.995.855	7.339.322.035

\* Giá trị còn lại của TSCĐHH đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 4.964.869.489 đồng.

\* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 638.285.455 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**8b. Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất (*)	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư tại 01/01/2024	49.724.804.626	49.724.804.626
Số dư tại 30/06/2024	49.724.804.626	49.724.804.626
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư tại 01/01/2024	0	0
Số dư tại 30/06/2024	0	0
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư tại 01/01/2024	49.724.804.626	49.724.804.626
Số dư tại 30/06/2024	49.724.804.626	49.724.804.626

- Quyền sử dụng đất tại 30/06/2024 gồm:

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ: thửa 8A + 8B, lô G5 thuộc khu A, khu nhà ở Anh Dũng IV, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng; thời gian sử dụng đất: lâu dài.

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ: Ô số 1, lô 8A Khu đô thị mới Cao Xanh, Hà Khánh A, phường Cao Xanh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh; thời gian sử dụng đất: lâu dài.

- Toàn bộ quyền sử dụng đất đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay.

**9. Phải trả người bán**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>13.719.230.169</b>	<b>13.719.230.169</b>	<b>16.951.562.799</b>	<b>16.951.562.799</b>
Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng	13.659.204.971	13.659.204.971	16.827.055.442	16.827.055.442
Phải trả đối tượng khác	60.025.198	60.025.198	124.507.357	124.507.357
<b>Cộng</b>	<b>13.719.230.169</b>	<b>13.719.230.169</b>	<b>16.951.562.799</b>	<b>16.951.562.799</b>
<b>b. Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
Công ty Cổ phần Vật liệu Hải Đăng	13.659.204.971	13.659.204.971	16.827.055.442	16.827.055.442
<b>Cộng</b>	<b>13.659.204.971</b>	<b>13.659.204.971</b>	<b>16.827.055.442</b>	<b>16.827.055.442</b>

**10. Người mua trả tiền trước**

	30/06/2024	01/01/2024
<b>Ngắn hạn</b>	<b>44.235.523</b>	<b>19.776.583</b>
Công ty TNHH Hoàng Hưng PRO	30.000.000	0
Công ty Cổ phần TN HOME VN	0	10.000.000
Các khách hàng khác	14.235.523	9.776.583
<b>Cộng</b>	<b>44.235.523</b>	<b>19.776.583</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2024
<b>a. Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	239.725.118	656.941.879	896.666.997	0
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	0	4.621.444.596	4.621.444.596	0
Thuế TNDN	243.387.559	986.043.078	293.387.559	936.043.078
Thuế thu nhập cá nhân	0	6.081.504	4.493.030	1.588.474
Thuế môn bài	0	7.000.000	7.000.000	0
<b>Cộng</b>	<b>483.112.677</b>	<b>6.277.511.057</b>	<b>5.822.992.182</b>	<b>937.631.552</b>
<b>b. Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	0	0	917.299	917.299
Thuế thu nhập cá nhân	26.892	26.892	0	0
<b>Cộng</b>	<b>26892</b>	<b>26.892</b>	<b>917.299</b>	<b>917.299</b>

Trình bày cách xác định các khoản thuế, phí, lệ phí phải nộp.

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

	Mức thuế suất
- Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hoạt động dịch vụ bán hàng hóa	8% và 10%

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thu nhập từ các hoạt động trên phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

	30/06/2024	01/01/2024
<b>12. Chi phí phải trả</b>		
<b>Ngắn hạn</b>	<b>26.596.865</b>	<b>13.314.822</b>
Trích trước chi phí lãi vay	5.499.644	13.314.822
Trích trước chi phí nhập khẩu	21.097.221	0
<b>Cộng</b>	<b>26.596.865</b>	<b>13.314.822</b>
<b>13. Phải trả khác</b>	<b>30/06/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>26.057.900</b>	<b>7.679.400</b>
Kinh phí công đoàn	26.057.900	7.679.400
<b>b. Dài hạn</b>	<b>200.000.000</b>	<b>200.000.000</b>
Nhận ký quỹ Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý tài sản PCLand	200.000.000	200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>226.057.900</b>	<b>207.679.400</b>
<b>c. Phải trả bên liên quan</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý tài sản PCLand	200.000.000	200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>200.000.000</b>	<b>200.000.000</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

## 14. Vay và nợ thuê tài chính

## Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	01/01/2024		Phát sinh trong kỳ		30/06/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	6.854.360.904	6.854.360.904	40.531.702.031	39.988.139.904	7.397.923.031	7.397.923.031
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam CN Vạn Phúc Hà Nội	6.854.360.904	6.854.360.904	12.973.779.000	19.828.139.904	0	0
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam CN Thăng Long (*)	0	0	4.208.332.320	1.500.000.000	2.708.332.320	2.708.332.320
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam CN Quảng Ninh (**)	0	0	23.349.590.711	18.660.000.000	4.689.590.711	4.689.590.711
	<b>6.854.360.904</b>	<b>6.854.360.904</b>	<b>40.531.702.031</b>	<b>39.988.139.904</b>	<b>7.397.923.031</b>	<b>7.397.923.031</b>

(\*) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Quảng Ninh hợp đồng tín dụng số 01/2024/HĐNT/TQN-PICOMAT ngày 5/2/24 với hạn mức: 20.000.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng. Mục đích vay: phục vụ sản xuất kinh doanh, bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo: Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo GCN QSD, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 420395 do Sở tài nguyên và MT thành phố Hai Phòng cấp ngày 15/01/2020 (Hai Phòng)

(\*\*) Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Thăng long hợp đồng tín dụng số HĐTD số TLG20241766952/HĐTD ký ngày 22/4/2024 với hạn mức: 60.000.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng. Mục đích vay: Phục vụ sản xuất kinh doanh, bổ sung vốn lưu động. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo GCN QSD, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 2.709 do Ủy ban nhân dân hành phố Hạ Long cấp ngày 09/05/2018 (Quảng Ninh).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**15. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2023	200.000.000.000	2.254.827.061	29.590.076.016	231.844.903.077
Lợi nhuận trong kỳ	0	0	5.905.465.644	5.905.465.644
Số dư tại ngày 30/06/2023	200.000.000.000	2.254.827.061	35.495.541.660	237.750.368.721
Số dư tại ngày 01/01/2024	219.999.900.000	2.207.827.061	17.338.802.247	239.546.529.308
Lợi nhuận trong kỳ	0	0	12.275.235.524	12.275.235.524
Số dư tại ngày 30/06/2024	219.999.900.000	2.207.827.061	29.614.037.771	251.821.764.832

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Theo giấy chứng nhận ĐKKD	30/06/2024	01/01/2024
Đỗ Thanh Hải	21,50%	47.300.000.000	47.300.000.000
Cổ đông khác	78,50%	172.699.900.000	172.699.900.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>219.999.900.000</b>	<b>219.999.900.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
<b>và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</b>		
Vốn góp của chủ sở hữu	219.999.900.000	200.000.000.000
Vốn góp đầu năm	219.999.900.000	200.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	0	0
Vốn góp cuối năm	219.999.900.000	200.000.000.000
Lợi nhuận đã chia	0	0

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán hàng	80.337.474.998	41.334.509.671
Doanh thu cung cấp dịch vụ	426.814.793	429.319.521
<b>Cộng</b>	<b>80.764.289.791</b>	<b>41.763.829.192</b>
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán bị trả lại	94.615.396	0
<b>Cộng</b>	<b>94.615.396</b>	<b>0</b>
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán hàng	80.242.859.602	41.334.509.671
Doanh thu cung cấp dịch vụ	426.814.793	429.319.521
<b>Cộng</b>	<b>80.669.674.395</b>	<b>41.763.829.192</b>
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn hàng hóa	71.358.088.076	38.460.059.996
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	62.262.474	62.262.474
<b>Cộng</b>	<b>71.420.350.550</b>	<b>38.522.322.470</b>
<b>5. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi	79.806.224	676.140.095
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.360.000.000	5.700.000.000
Lãi đầu tư chứng khoán	243.799.208	0
<b>Cộng</b>	<b>8.683.605.432</b>	<b>6.376.140.095</b>
<b>6. Chi phí tài chính</b>		
Chi phí lãi vay	222.729.361	269.284.257
Lỗ đầu tư chứng khoán	223.348.481	0
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	131.457.780	0
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	103.407.850	0
<b>Cộng</b>	<b>680.943.472</b>	<b>269.284.257</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
<b>7. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên	1.136.734.951	1.100.193.732
Chi phí đồ dùng văn phòng	839.600	10.516.534
Chi phí khấu hao TSCĐ	148.629.501	204.581.466
Chi phí dịch vụ mua ngoài	932.787.337	646.832.181
Chi phí bằng tiền khác	9.938.000	0
<b>Cộng</b>	<b>2.228.929.389</b>	<b>1.962.123.913</b>
<b>8. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên	758.091.737	749.569.900
Chi phí đồ dùng văn phòng	129.764.294	149.355.752
Chi phí khấu hao TSCĐ	133.094.030	130.497.075
Thuế, phí, lệ phí	190.785.824	10.560.000
Chi phí bằng tiền khác	15.534.000	12.285.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	530.997.571	441.300.126
Dự phòng phải thu khó đòi	0	16.952.296
<b>Cộng</b>	<b>1.758.267.456</b>	<b>1.510.520.149</b>
<b>9. a. Thu nhập khác</b>		
Thanh lý tài sản	0	80.000.000
Các khoản khác	30.054	929.829
<b>Cộng</b>	<b>30.054</b>	<b>80.929.829</b>
<b>9. b. Chi phí khác</b>		
Các khoản khác	3.540.412	39.771
<b>Cộng</b>	<b>3.540.412</b>	<b>39.771</b>
<b>10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</b>		
Chi phí nhân công	1.894.826.688	1.849.763.632
Chi phí khấu hao tài sản cố định	343.986.005	397.341.015
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.463.784.908	1.248.004.593
Chi phí khác bằng tiền	346.861.718	22.845.000
<b>Cộng</b>	<b>4.049.459.319</b>	<b>3.517.954.240</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
Lợi nhuận trước thuế	13.261.278.602	5.956.608.556
Các khoản điều chỉnh tăng	28.936.781	0
Các khoản chi phí không được trừ	28.936.781	0
Các khoản điều chỉnh giảm	8.360.000.000	5.700.894.000
Cổ tức được chia	8.360.000.000	5.700.000.000
Các khoản khác	0	894.000
<b>Thu nhập tính thuế</b>	<b>4.930.215.383</b>	<b>255.714.556</b>
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	986.043.078	51.142.912
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>986.043.078</b>	<b>51.142.912</b>

**12. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**12.1 Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**12.2 Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

**Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

**Tiền gửi ngân hàng**

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

**12.3 Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 30/06/2024	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	7.397.923.031	0	7.397.923.031
Phải trả người bán	13.719.230.169	0	13.719.230.169
Phải trả khác	0	200.000.000	200.000.000
Chi phí phải trả	26.596.865	0	26.596.865
<b>Cộng</b>	<b>21.143.750.065</b>	<b>200.000.000</b>	<b>21.343.750.065</b>
Ngày 01/01/2024	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	6.854.360.904	0	6.854.360.904
Phải trả người bán	16.951.562.799	0	16.951.562.799
Phải trả khác	0	200.000.000	200.000.000
Chi phí phải trả	13.314.822	0	13.314.822
<b>Cộng</b>	<b>23.819.238.525</b>	<b>200.000.000</b>	<b>24.019.238.525</b>

Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

**Tài sản đảm bảo**

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và ngày 01 tháng 01 năm 2024.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**13. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 và 01 tháng 01 năm 2024. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ			
	30/06/2024	01/01/2024	30/06/2024	01/01/2024
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Giá trị
<b>Tài sản tài chính</b>				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	10.307.576.324	0	23.088.809.228	23.088.809.228
- Phải thu khách hàng	1.911.143.390	0	231.216.614	231.216.614
- Phải thu khác	92.827.749	0	21.137.791	21.137.791
- Đầu tư ngắn hạn	10.044.795.430	(103.407.850)	16.205.800	16.205.800
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>22.356.342.893</b>	<b>(103.407.850)</b>	<b>23.357.369.433</b>	<b>23.357.369.433</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
- Vay và nợ thuê tài chính	7.397.923.031	0	6.854.360.904	6.854.360.904
- Phải trả người bán	13.719.230.169	0	16.951.562.799	16.951.562.799
- Phải trả khác	200.000.000	0	200.000.000	200.000.000
- Chi phí phải trả	26.596.865	0	13.314.822	13.314.822
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>21.343.750.065</b>	<b>0</b>	<b>24.019.238.525</b>	<b>24.019.238.525</b>

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành các Báo cáo tài chính giữa niên độ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****1. Các khoản giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai.**

- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính: không phát sinh.
- Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện: không phát sinh.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các Báo cáo tài chính.

**2. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Ông Đỗ Thanh Hải	Chủ tịch hội đồng quản trị
Ông Đỗ Mạnh Tú	Cố đồng công ty, người có liên quan của người nội bộ (ông Đỗ Thanh Hải và ông Đỗ Hải Đăng)

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

**a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
Ông Đỗ Mạnh Tú	Mua hàng hóa dịch vụ	12.000.000	12.000.000
Ông Đỗ Mạnh Tú	Thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ trong kỳ	12.000.000	12.000.000
Thu nhập của Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Chức vụ	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
Bà Đào Thị Kim Oanh	Tổng Giám đốc	150.489.000	128.872.000
Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh	Kế toán trưởng	132.348.160	122.881.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty con, công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần vật liệu Hải Đăng	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý tài sản PCLand	Công ty liên doanh, liên kết
Công ty TNHH Kiến trúc nội thất Nethome	Công ty có Giám đốc là người có liên quan của Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh - Kế toán trưởng

**b.1. Giao dịch với các bên liên quan khác**

Trong kỳ, công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan

Bên liên quan khác	Tính chất giao dịch	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý tài sản PCLand	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	409.200.000	409.200.000
Công ty TNHH Kiến trúc nội thất Nethome	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	0	2.988.918.851
Công ty Cổ phần vật liệu Hải Đăng	Mua hàng hóa dịch vụ	37.031.376.569	46.833.233.065
Công ty Cổ phần đầu tư và quản lý tài sản PCLand - Chi nhánh Thái Nguyên	Mua hàng hóa dịch vụ	145.352.000	58.232.000
Công ty Cổ phần vật liệu Hải Đăng	Hàng bán trả lại	84.227.040	0
Công ty Cổ phần Đầu tư và Quản lý tài sản PCLand	Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	409.200.000	409.200.000
Công ty TNHH Kiến trúc nội thất Nethome	Thu tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ	0	2.988.918.851
Công ty Cổ phần vật liệu Hải Đăng	Thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ trong kỳ	40.115.000.000	24.148.283.210

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**b.1. Giao dịch với các bên liên quan khác (tiếp theo)**

Bên liên quan khác	Tính chất giao dịch	06 tháng đầu năm 2024	06 tháng đầu năm 2023
Công ty Cổ phần đầu tư và quản lý tài sản PCLand - Chi nhánh Thái Nguyên	Thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ trong kỳ	145.352.000	58.232.000
Công ty Cổ phần vật liệu Hải Đăng	Nhận cổ tức	8.360.000.000	5.700.000.000

**b.2. Công nợ các bên liên quan khác**

Công nợ với các bên liên quan được trình bày tại mục đầu tư tài chính, phải thu và phải trả trong các thuyết minh V.2b, V.9b, V.13c.

**3. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.****4. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học MOORE AISIC. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến 30/06/2023 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học MOORE AISIC.



Đỗ Thị Nhung  
Người lập biểu



Nguyễn Thị Như Quỳnh  
Kế toán trưởng



Đào Thị Kim Oanh  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2024